

Phát triển kinh tế tập thể ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

Phạm Văn Sơn, Hoàng Văn Phai*, Bùi Tiến Phúc

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Ngày nhận bài 14/2/2023; ngày gửi phản biện 17/2/2023; ngày nhận phản biện 22/3/2023; ngày chấp nhận đăng 27/3/2023

Tóm tắt:

Qua hơn 35 năm đổi mới, kinh tế tập thể (KT TT) ngày càng thể hiện được vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trước tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, khu vực KT TT nước ta còn bất cập về số lượng, quy mô, chất lượng và cơ cấu, chưa phát huy được lợi thế tiềm năng của đất nước. Bài viết này sử dụng một số phương pháp như phân tích, tổng hợp, thống kê so sánh, logic - lịch sử... để tổng hợp, lập luận dựa trên các dữ liệu thứ cấp để tập trung làm rõ những kết quả, hạn chế, bất cập và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển KT TT phù hợp xu hướng phát triển mới và tình hình thực tiễn hiện nay.

Từ khóa: kinh tế tập thể, phát triển kinh tế tập thể, Việt Nam.

Chỉ số phân loại: 5.2

Mở đầu

KT TT là mô hình kinh tế phổ biến trên thế giới, là nhịp cầu đưa kinh tế hộ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn và phát triển bền vững, có quá trình hình thành, phát triển hơn 200 năm, đóng góp to lớn cả về kinh tế và xã hội trong sự phát triển của mỗi quốc gia. Theo Báo cáo năm 2021 của Liên đoàn hợp tác xã (HTX) quốc tế, luôn có sự gia tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, đóng góp hơn 10% GDP và bảo đảm đời sống cho hơn một nửa dân số thế giới [1].

Ở Việt Nam, KT TT (mà nòng cốt là HTX) với nhiều hình thức hợp tác đa dạng: HTX, tổ hợp tác (THT), liên hiệp HTX... dựa trên quyền sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết và hợp tác rộng rãi những người lao động, hộ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Đến nay, KT TT đã có lịch sử phát triển gần 77 năm, kể từ khi Bác Hồ viết thư kêu gọi điền chủ, nông dân tham gia HTX (11/4/1946). Dưới sự lãnh đạo của Đảng, KT TT, HTX ở Việt Nam đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng trong mỗi giai đoạn lịch sử của đất nước, đặc biệt là những đóng góp cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng ta tiếp tục khẳng định phát triển KT TT vừa là yêu cầu khách quan, vừa là con đường tất yếu để tối ưu lợi ích của kinh tế hộ và vừa có ý nghĩa chiến lược trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực trạng phát triển KT TT

Từ khi đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, cùng nhiều nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành về phát triển KT TT nói chung và HTX nói riêng nhằm xác lập môi trường thể chế, cũng như tạo môi trường tâm lý xã hội đồng thuận cho khu vực KT TT phát triển phù hợp với thực tế ở Việt Nam và thế giới. Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với KT TT đóng vai trò đòn bẩy để huy động các nguồn lực và sức mạnh tổng hợp cho quá trình phát triển KT TT. Quá trình thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đạt được những thành

tựu quan trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, cũng như góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, quá trình phát triển KT TT vẫn còn những vướng mắc, bất cập, chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước. Cụ thể:

Những năm gần đây số lượng, quy mô KT TT tăng chậm, thậm chí còn bị giảm sút về số lượng.

Về THT: Tính đến cuối năm 2001 cả nước có 93.800 THT thì đến cuối năm 2021 chỉ còn có 69.294 THT (giảm khoảng 26%), số thành viên còn 1.096.700 vào năm 2021 (giảm khoảng 9% so với năm 2001) [2].

Về HTX: Số lượng HTX cả nước tuy có tăng lên, nhưng với tốc độ chậm, số lượng HTX phải giải thể tương đối lớn. Trong 20 năm (2001-2021), số lượng HTX được thành lập mới tăng bình quân mỗi năm chỉ vào khoảng 1.900 HTX. Số lượng HTX làm ăn không hiệu quả, phải giải thể bình quân mỗi năm khoảng 1.050 HTX. Số lượng lao động thu hút vào HTX tăng chậm. Nếu như năm 2001, số lao động làm việc trong HTX là khoảng 528.300 người, thì đến cuối năm 2021, số lao động tăng thêm chưa được 2 lần (1.078.000 người). Đa số các HTX có quy mô thành viên nhỏ, số lượng thành viên trung bình/HTX giảm đi, nếu năm 2001 trung bình một HTX có 478 thành viên, thì đến năm 2021 giảm xuống chỉ còn 208 thành viên [3]. Thực tế này cho thấy, HTX ở Việt Nam đã đi ngược với xu thế phát triển của thế giới, trong khi ở Hà Lan có 2.500 HTX, thu hút 30 triệu thành viên (dân số Hà Lan là 17 triệu dân, một người dân Hà Lan trung bình là thành viên của 1,8 HTX); Cộng hòa Liên bang Đức có 5.514 HTX thu hút 19,7 triệu thành viên; Thái Lan có 6.626 HTX thu hút khoảng 12 triệu thành viên, chiếm khoảng 17,3% dân số nước này.

Về liên hiệp HTX: Số lượng liên hiệp HTX vẫn còn ít, tăng chậm. Đến năm 2021, cả nước có 103 liên hiệp HTX (79 liên hiệp HTX nông nghiệp và 24 liên hiệp HTX phi nông nghiệp), tăng gấp 9,3 lần so với năm 2001. Số liên hiệp HTX tăng chủ yếu trong lĩnh vực nông

*Tác giả liên hệ: Email: hoangvanphaihn@gmail.com

Collective economic development in Vietnam: Current situation and solutions

Van Son Pham, Van Phai Hoang*, Tien Phuc Bui

Political Academy, Ministry of National Defense

Received 14 February 2023; accepted 27 March 2023

Abstract:

After more than 35 years of renovation, the collective economy has increasingly demonstrated its position and significant role in the national economy. However, under the strong impact of the Fourth Industrial Revolution along with the rapid development of the economy, Vietnam's collective economic sector still has been inadequate in quantity, size, quality and structure. The potential and advantages of the country have not been fully exploited. This article uses a number of methods such as analysis, synthesis, comparative statistics, logic - history... to synthesize and argue based on the compiled secondary data to clarify the results, limitations, and inadequacies, thereby proposing some solutions to improve the efficiency of the collective economic development in accordance with current development trends and situation.

Keywords: collective economic development, collective economy, Vietnam.

Classification number: 5.2

ngiệp (tăng 77 liên hiệp HTX). Các liên hiệp HTX thành lập chủ yếu ở các vùng: Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long... [4]. Không chỉ hạn chế về số lượng, mà quy mô còn nhỏ, hoạt động kém hiệu quả; các liên hiệp HTX mới chỉ thu hút được 668 HTX thành viên; vai trò kết nối, hỗ trợ của liên hiệp HTX với các HTX còn mờ nhạt, liên kết thiếu chặt chẽ.

Cũng bởi thực trạng trên mà dẫn đến phát triển KTTT còn nhiều hạn chế, bất cập, hiệu quả sản xuất, kinh doanh chưa cao, đóng góp cho phát triển kinh tế đất nước chưa nhiều. Cụ thể:

Một là, tốc độ tăng trưởng của KTTT thấp, thiếu bền vững. Giai đoạn từ năm 1995 đến 2019 tăng trưởng trung bình vào khoảng 4%/năm, chỉ mới bằng một nửa tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tỷ lệ đóng góp vào GDP thiếu ổn định, có xu hướng giảm xuống, chưa đạt được mục tiêu xác định và tiềm năng, lợi thế của đất nước (năm 1995 chiếm 10% trong GDP, đến năm 2000 xuống còn 8,6%, năm 2010 chiếm 3,99% và đến năm 2019 chỉ còn chiếm 3,49% GDP) [5]. Doanh thu bình quân của các tổ chức KTTT còn thấp, chưa đạt kỳ vọng: doanh thu THT đạt 294,85 triệu đồng/năm, lãi bình quân là 49 triệu đồng/năm; lĩnh vực nông nghiệp lãi bình quân một THT nông nghiệp là 32,6 triệu đồng/năm; doanh thu HTX đạt 2.657 triệu đồng/HTX, lãi bình quân là 215,65 triệu đồng/HTX/năm; doanh thu

liên hiệp HTX đạt 1,5 tỷ đồng/năm và lãi bình quân khoảng 128 triệu đồng/năm [3].

Như vậy, hiệu quả hoạt động của KTTT đã có sự phát triển qua các năm, nhưng sự gia tăng chưa thật sự bền vững và vẫn thấp hơn rất nhiều so với mặt bằng chung của nền kinh tế, cũng như của các thành phần kinh tế khác.

Hai là, KTTT phát triển mất cân đối giữa các ngành nghề, vùng miền, trong đó điển hình ở hình thức HTX: HTX nông nghiệp chiếm 67%, HTX phi nông nghiệp chiếm 33% (môi trường 2%, vận tải 8%, thương mại 7%, tín dụng 4%, xây dựng 3%, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 9%).

Số lượng HTX phát triển nhiều hơn ở khu vực phía Bắc. Như Đồng bằng sông Hồng có số HTX chiếm 27% của cả nước, trung du miền núi chiếm 26%. Trong khi, các vùng khu vực phía Nam chiếm tỷ lệ khiêm tốn hơn như: vùng Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 12%, Tây Nguyên 7% và Đông Nam Bộ 7% [4].

Mặc dù, bằng nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước từ khi đổi mới đến nay đã giúp KTTT có nhiều khởi sắc, nhưng sự phát triển còn thiếu bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, thể mạnh sẵn có, cũng như nghị quyết của Đảng đặt ra. Điều này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan, song cơ bản là một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, năng lực, nhận thức của các chủ thể, từ một số cấp ủy, chính quyền, đến các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và người dân về vị trí, vai trò, bản chất, nguyên tắc hoạt động của KTTT. Từ đó, dẫn đến lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu chủ trương, chính sách sát đúng nhằm tạo môi trường, khuyến khích, tạo động lực thúc đẩy khu vực KTTT phát triển. Người dân còn hoài nghi, thiếu niềm tin, chưa thấy được những lợi ích lâu dài của KTTT; chưa tích cực tham gia các hoạt động, ý lại và trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Thứ hai, việc xác lập môi trường thể chế chưa hoàn thiện, nhiều văn bản còn chồng chéo, vướng mắc. Một số văn bản dưới luật còn ban hành chậm, chưa thực sự rõ ràng như Luật HTX năm 2003 và 2012 sau khi đã có hiệu lực, nhưng phải đến hơn 1 năm sau nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật mới được ban hành; thậm chí một số văn bản hướng dẫn, thay thế văn bản cũ 2-3 năm mới được ban hành, sửa đổi... Bên cạnh đó, một số quy định còn chưa được hướng dẫn như: hướng dẫn về kiểm toán HTX; quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ hỗ trợ HTX ở địa phương; thành lập doanh nghiệp trong HTX, cơ chế quản lý mô hình HTX có doanh nghiệp. Nhiều quy định của luật, hướng dẫn thi hành đã bộc lộ bất cập, chưa theo kịp với xu thế phát triển của đất nước, chưa bao quát được sự phát triển sinh động của các loại hình, sự phát triển từ thấp đến cao của các tổ chức KTTT. Cùng với đó, hệ thống chính sách chậm được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế và tạo điều kiện, động lực cho KTTT phát triển.

Thứ ba, năng lực các tổ chức của KTTT còn nhiều bất cập (về chất lượng cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn vốn, trình độ, năng lực của cán bộ, thành viên), là rào cản lớn đối với quá trình phát triển của KTTT. Cán bộ và thành viên KTTT thiếu kiến thức chuyên sâu về quản trị, điều hành đã ảnh hưởng trực tiếp đến xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất trong nền kinh tế mở ở nước ta hiện nay.

Giải pháp phát triển KTTT

Hiện nay và trong thời gian tới, nước ta tiếp tục tham gia ngày càng sâu rộng vào tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, với hàng loạt hiệp định thương mại được ký kết, sẽ tạo cơ hội về thương mại và thị trường ngày càng mở rộng, góp phần tích cực vào quá trình đổi mới đồng bộ và toàn diện, khơi dậy tiềm năng đất nước và của các thành phần kinh tế, trong đó có KTTT. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, thuận lợi, KTTT nước ta đang đứng trước những thách thức, khó khăn cả về khách quan lẫn chủ quan. Vì vậy, để nâng cao vị thế và sức mạnh cho người nông dân, hộ kinh doanh cá thể trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và để KTTT tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò trong nền kinh tế quốc dân. Các tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể về vị trí, vai trò của KTTT trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Đây là giải pháp có ý nghĩa rất quan trọng, bảo đảm sự thống nhất cả trong nhận thức và hành động; là cơ sở khơi thông mọi nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu phát triển KTTT. Qua hơn 35 năm đổi mới cho thấy, ở đâu các chủ thể (người dân, các tổ chức kinh tế đến cấp ủy, chính quyền các cấp) mà nhận thức được vị trí, ý nghĩa và vai trò của KTTT; nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng; sự hỗ trợ, vào cuộc quyết liệt của chính quyền địa phương, kịp thời tháo gỡ vướng mắc nảy sinh cho người dân và các chủ thể kinh tế, thì nơi đó KTTT sẽ phát triển mạnh mẽ và hoạt động hiệu quả cao. Vì thế, cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của KTTT. Để thấy rằng, phát triển KTTT không phải là hình thức kinh tế được xây dựng bởi ý muốn chủ quan duy ý chí của bất kỳ một cá nhân hay một tổ chức nào mà đây là xu thế phát triển tất yếu. Xu thế này đã và đang mở rộng, trở thành phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Sự tồn tại và phát triển KTTT không chỉ vì lợi ích kinh tế thuần túy mà còn thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn.

Phải thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền một cách phù hợp với mọi chủ thể từ Trung ương đến địa phương và nhân dân như tổ chức hội nghị học tập, phổ biến; thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về KTTT, HTX... và thông qua các mô hình liên kết, các sân chơi giữa chính quyền - người dân - doanh nghiệp; xây dựng, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong phát triển KTTT ở ngành, lĩnh vực để toàn dân học tập. Đặc biệt, đề cao vai trò của các cấp ủy, tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên luôn phải gương mẫu đi đầu và trực tiếp tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; cũng như trực tiếp, lãnh đạo, chỉ đạo nhằm cụ thể hóa các chủ trương đường lối trong xây dựng và phát triển KTTT.

Hai là, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường, động lực cho KTTT phát triển. Đây là giải pháp có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển bền vững của KTTT. Với khung pháp lý minh bạch, thông thoáng; cơ chế, chính sách sát thực tiễn đáp ứng được đòi hỏi nhu cầu bức thiết của nền kinh tế sẽ kích thích, khơi dậy, tạo môi trường thuận lợi, động lực cho KTTT phát triển. Do đó, cần tập trung hoàn thiện các văn bản pháp luật nhằm mở rộng phạm vi, đối tượng, điều chỉnh bảo đảm bao quát đầy đủ

các hình thức tổ chức của KTTT (THT, HTX, liên hiệp HTX...) đang hoạt động ở nước ta. Sửa đổi, bổ sung các vấn đề còn bất cập, như: tỷ lệ cung ứng hàng hóa, dịch vụ ra bên ngoài; hướng dẫn chuyển đổi, tổ chức lại hoạt động, đa dạng và đẩy mạnh hợp tác liên kết giữa các hình thức của KTTT cũng như giữa KTTT với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Tiếp tục quan tâm và thực hiện có hiệu quả các chính sách một cách đồng bộ. Như các chính sách về vốn, đất đai, nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, xúc tiến thương mại, khoa học và công nghệ. Chính sách hướng dẫn cần tập trung giải quyết những vấn đề bức thiết, như: nợ đọng, nợ khó đòi; tích tụ ruộng đất; chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tiếp cận và bảo đảm vốn; ứng dụng, đổi mới khoa học và công nghệ vào sản xuất. Cần chú trọng đột phá vào các chính sách hỗ trợ, ưu đãi phù hợp với hoạt động của KTTT, nhất là chính sách ưu đãi đặc thù riêng với các tổ chức KTTT, đặc biệt là HTX hoạt động trong khu vực nông thôn, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; ưu đãi trong chế biến sản phẩm; trong xuất khẩu và hoạt động ở những lĩnh vực, địa bàn khó khăn.

Ba là, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cho KTTT. Đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng, giữ vai trò trung tâm quyết định đến sự phát triển bền vững của KTTT. Vì chỉ có mô hình quản lý nhà nước phù hợp, cùng với đội ngũ cán bộ có chất lượng, thì mới đưa được các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đi vào thực tiễn. Là cơ sở để khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, khoa học, công nghệ và thúc đẩy quá trình phân công, chuyên môn hóa lao động, mở rộng liên kết, hợp tác... bảo đảm cho KTTT có khả năng thích ứng và phát triển tốt trong nền kinh tế thị trường.

Thời gian qua, các địa phương, các sở, ngành liên quan, ủy ban nhân dân các cấp tuy có cơ quan chuyên trách, cán bộ theo dõi KTTT nhưng chủ yếu là kiêm nhiệm với các nhiệm vụ khác, nên việc nắm bắt thực trạng hoạt động, tham mưu trong công tác quản lý nhà nước về KTTT chưa kịp thời. Do đó, cần thực hiện chức năng quản lý thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương, với các ban chỉ đạo các cấp, lấy cơ quan kế hoạch và đầu tư làm trung tâm quản lý, đặc biệt là phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tổ chức hoạt động của KTTT. Đồng thời, cần có chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản lý của các tổ chức KTTT đủ về số lượng, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong nền kinh tế thị trường. Do đó, cần có chính sách thu hút và sử dụng nhân tài, phải chú trọng nâng cao chất lượng và hoàn thiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh đối với đội ngũ cán bộ.

Bốn là, chú trọng mở rộng quy mô, nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ. Đây là giải pháp mang tính đột phá, bảo đảm cho KTTT tồn tại, phát triển dựa trên cơ sở kinh tế của chính nó và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa tổ chức KTTT với thành viên. Kinh tế hộ vừa là chủ thể, vừa là đối tượng phục vụ của KTTT. Thực tiễn phát triển KTTT trên thế giới đã chứng minh: quy mô, trình độ kinh tế hộ tác động trực tiếp đến quy mô, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của KTTT. Thời gian qua, một trong những nguyên nhân dẫn đến việc chưa phát triển mạnh KTTT là do kinh tế hộ còn manh mún, nhỏ bé, sản xuất hàng hoá chưa phát triển. Trong điều kiện

đó, các hộ kinh tế chưa có nhu cầu hợp tác để trở thành KTTT. Chính vì vậy, để phát triển KTTT, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế hộ, chuyển mạnh việc sản xuất của các hộ sang kinh tế thị trường, tạo môi trường cạnh tranh cho các hộ kinh tế. Nhà nước luôn cam kết tôn trọng và bảo đảm lợi ích của kinh tế hộ trong quá trình phát triển. Khuyến khích các hình thức liên kết, hợp tác giữa kinh tế hộ với KTTT trên cơ sở của nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi giữa các bên tham gia. Thông qua những quan hệ liên kết và hợp tác này, hộ gia đình có thể tìm thấy con đường phát triển tốt hơn, bền vững hơn trước sức ép cạnh tranh thị trường, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại diễn ra ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Năm là, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển KTTT. Đây là giải pháp rất quan trọng đối với phát triển KTTT trong bối cảnh khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão và Việt Nam tập trung phát triển kinh tế số. Theo đó, cần: xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội để phát triển KTTT. Tập trung phát triển một số công trình về giao thông và chú ý về phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số của quốc gia cũng như của các địa phương. Đồng thời, phát triển hạ tầng thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh...; thúc đẩy chuyển đổi số để đưa sản phẩm của KTTT đến với thị trường trong nước và quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay, chuyển đổi số được xem là giải pháp quan trọng trong cả khâu sản xuất lẫn thương mại để đưa sản phẩm ra thị trường, do đó, Chính phủ cũng như chính quyền ở địa phương cần chú trọng phát triển hạ tầng số như: tin học hóa toàn bộ các quy trình nghiệp vụ bằng cách tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; tổ chức liên kết, kết nối, đảm bảo tương tác của các tổ chức kinh tế tập thể một cách nhanh chóng, tiện lợi thông qua môi trường mạng máy tính; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp, cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các THT, HTX; đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống máy chủ lớn (bigserver) để lưu trữ thông tin; nâng cấp hạ tầng mạng, tăng cường kết nối internet... giữa các THT, HTX với các tổ chức, đơn vị kinh tế trong và ngoài nước khác nhằm tăng cường mở rộng quy mô kinh tế HTX trong kỷ nguyên số hiện nay.

Sáu là, phát huy vai trò hệ thống chính trị trong huy động nguồn lực cho phát triển KTTT. Đây là giải pháp thiết thực nhằm cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sự hỗ trợ, giúp đỡ, định hướng thúc đẩy KTTT phát triển nhanh và bền vững. Với việc phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân nhằm tạo sức mạnh tổng hợp về vật chất, tinh thần, góp phần khắc phục những hạn chế, yếu kém, nhất là từ những nguyên nhân thuộc về chủ thể trong phát triển KTTT. Do đó, Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp phải xác định phát triển KTTT là nội dung quan trọng trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của mình. Có kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt việc học tập, quán triệt, triển khai các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT; các cấp ủy, tổ chức đảng phải xây dựng nghị quyết chuyên đề, chương

trình hành động, đề án... về phát triển KTTT nhằm tạo sự nhất quán về tư tưởng, nhận thức và hành động. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng, đoàn thể, nhất là vai trò các tổ chức Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên minh HTX là biện pháp hiệu quả trong xây dựng môi trường xã hội đồng thuận và huy động các nguồn lực cho phát triển KTTT.

Kết luận

Qua hơn 35 năm đổi mới, cùng với những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội nói chung, khu vực KTTT nước ta đã có những chuyển biến tích cực, hàng năm đã có sự gia tăng về số lượng, chất lượng ngày càng được nâng cao với cơ cấu ngày càng phù hợp, góp phần tất yếu để tối ưu hóa lợi ích và phát triển bền vững đối với kinh tế hộ. Bảo vệ, liên kết kinh tế hộ trước tác động của cơ chế thị trường và sự phát triển của khoa học và công nghệ; từng bước khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, khu vực KTTT của nước ta còn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, phát triển thiếu bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước. Do đó, để thực hiện mục tiêu phát triển KTTT như Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 18/03/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm (khóa XIII) về “tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới” đã xác định, Đảng, Nhà nước cần thực hiện đồng bộ các chủ trương, giải pháp, với các chính sách đột phá, tập trung vào nâng cao nhận thức, năng lực cho các chủ thể; hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; hoàn thiện mô hình quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; mở rộng quy mô, trình độ của kinh tế hộ; đẩy mạnh liên kết sản xuất, ứng dụng khoa học và công nghệ của các tổ chức KTTT, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị nhằm thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế này hiệu quả và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Xuân Phúc (2022), “Bài viết của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã”, *Tạp chí Điện tử Kinh doanh*, <https://vnbusiness.vn/hop-tac-xa/bai-viet-cua-chu-tich-nuoc-nguyen-xuan-phuc-ve-phat-trien-kinh-te-tap-the-hop-tac-xa-1084763.html>, truy cập ngày 11/4/2022.
- [2] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021a), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*.
- [3] Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2021), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ-TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*.
- [4] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021b), *Sách trắng hợp tác xã Việt Nam năm 2021*, NXB Thống kê, 492tr.
- [5] Trần Tuấn Anh (2022), “Thống nhất nhận thức, tập trung nguồn lực đưa kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác phát triển đúng hướng, hiệu quả và bền vững”, *Tạp chí Cộng sản Điện tử*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/thong-nhat-nhan-thuc-tap-trung-nguon-luc-dua-kinh-te-tap-the-hop-tac-phat-trien-dung-huong-hieu-qua-va-ben-vung, truy cập ngày 11/7/2022.